

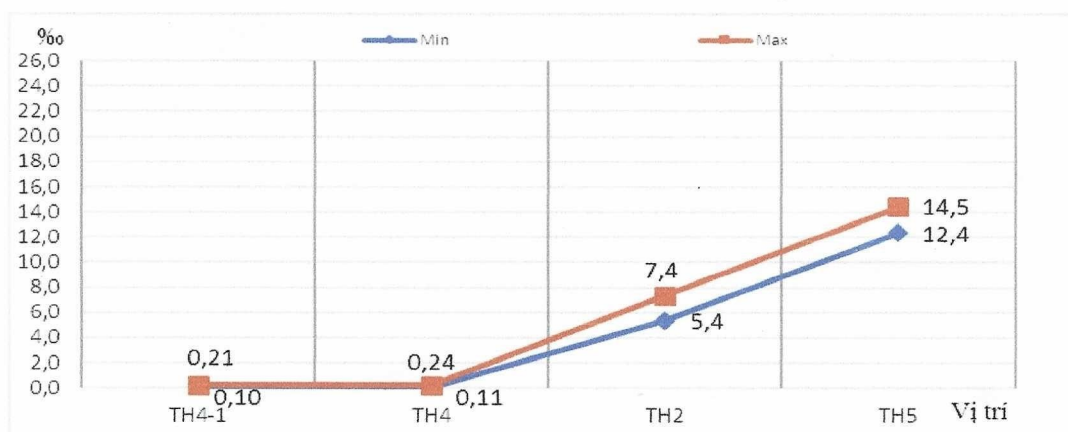
BÁO CÁO

Tình hình xâm nhập mặn đợt 5 tháng 3 năm 2022

Thực hiện Quyết định số 205/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 01 năm 2022 của sở Tài nguyên và Môi trường về chương trình Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tiến hành quan trắc xâm nhập mặn đợt 5 tháng 3 năm 2022 (từ ngày 29 - 30/3/2022) trên các sông Thạch Hãn, sông Hiếu, sông Bến Hải và sông Sa Lung. Được sự ủy quyền của sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm báo cáo kết quả như sau:

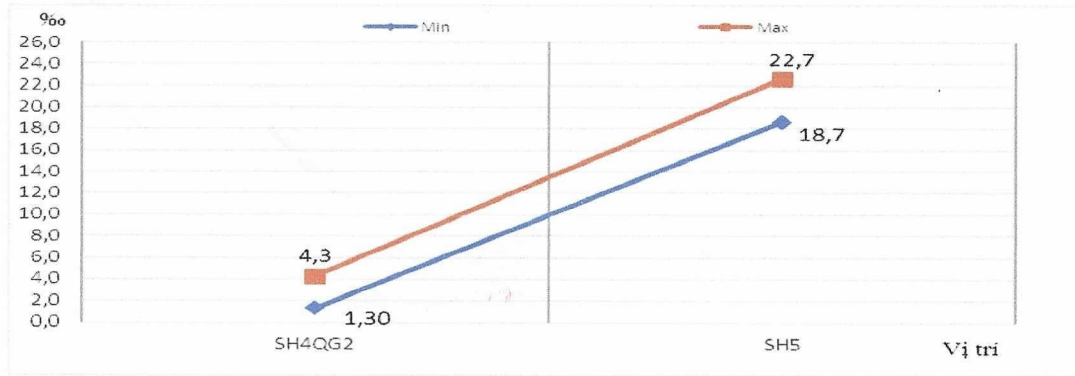
Kết quả quan trắc xâm nhập mặn đợt 5 tháng 3 năm 2022 trên các sông cho thấy, độ mặn tại các điểm quan trắc trên sông Thạch Hãn, sông Hiếu, sông Bến Hải và sông Sa Lung đều tăng so với đợt 4 tháng 3 năm 2022 (ngày 22 - 23/3/2022).

1. Trên sông Thạch Hãn: Khu vực chân đập Trám đã bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, tại đây độ mặn nước sông dao động từ 0,10 – 0,21‰; Khu vực trung tâm thị xã Quảng Trị, độ mặn dao động từ 0,10 – 0,24‰; Tại cầu An Mô, độ mặn dao động từ 5,4 – 7,4‰; Khu vực cầu Đại Lộc, độ mặn dao động từ 12,4 – 14,4‰.



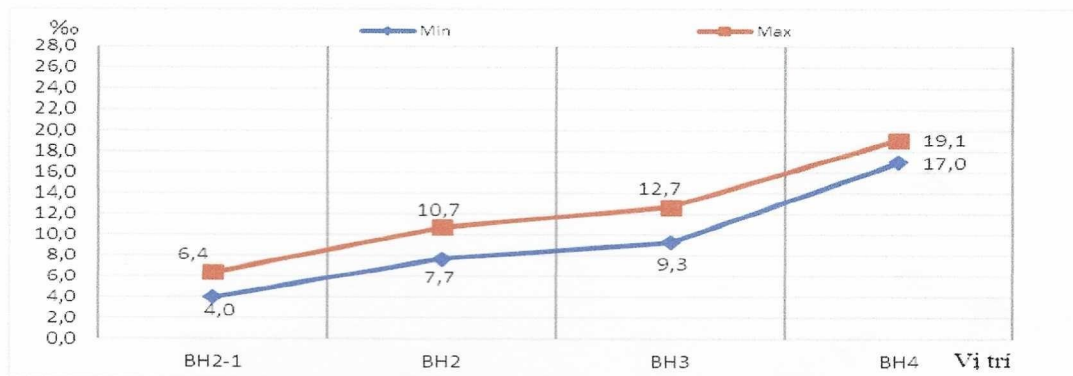
Hình 1: Biểu đồ độ mặn trên sông Thạch Hãn

2. Trên sông Hiếu: Xâm nhập mặn đã ảnh hưởng đến khu vực chân đập ngăn mặn. Tại khu vực trạm thủy văn Đông Hà, độ mặn dao động từ 1,3 – 4,3‰; Điểm cách cầu Đông Hà 500m về phía hạ lưu, độ mặn dao động từ 18,7 – 22,7‰.



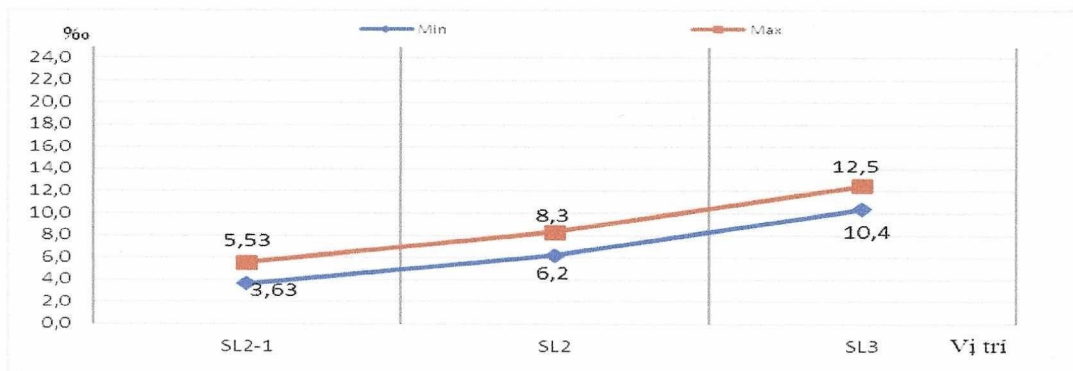
Hình 2: Biểu đồ độ mặn trên sông Hiếu

3. Trên sông Bến Hải: Xâm nhập mặn đã tác động đến khu vực cách cầu Tiên An khoảng 7km về phía thượng lưu, độ mặn đo được tại đây dao động từ 4,0 – 6,4‰. Tại cầu Tiên An độ mặn dao động từ 7,7 – 10,7‰; Điểm cách cầu Hiền Lương 2km về phía thượng lưu, độ mặn dao động từ 9,3 – 12,7‰; Điểm cách cầu Hiền Lương 5km về phía hạ lưu, độ mặn dao động từ 17,0 – 19,1‰.



Hình 3: Biểu đồ độ mặn trên sông Bến Hải

4. Trên sông Sa Lung: Xâm nhập mặn đã ảnh hưởng đến khu vực chân đập ngăn mặn, độ mặn đo được tại đây dao động từ 3,63 – 5,53‰; Tại cầu đường sắt Sa Lung độ mặn dao động từ 6,2 – 8,3‰; Tại khu vực cách cầu Hiền Lương 2km về phía thượng lưu, độ mặn dao động từ 10,4 – 12,5‰.



Hình 4: Biểu đồ độ mặn trên sông Sa Lung
(Có phụ lục kết quả quan trắc kèm theo)

Trên đây là kết quả quan trắc xâm nhập mặn đợt 5 tháng 3 năm 2022, Trung tâm kính báo cáo UBND tỉnh, sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan để theo dõi, chỉ đạo.

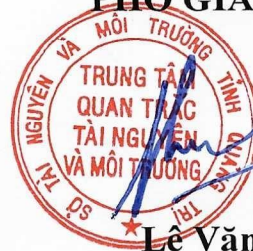
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- Sở NN&PTNN;
- CCBVMT;
- UBND các huyện:
V.Linh, G.Linh, C.Lộ,
T.Phong, TX Q.Trị
TP Đông Hà;
- Sở TT&TT;
- Báo Quảng Trị;
- Trung tâm IOC tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Đài KTTV tỉnh;
- Website sở TNMT;
- LĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, QT.

(Báo cáo)

(Đưa tin);

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Phú



PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: 40/BC-TTQT ngày 29 tháng 3 năm 2022)

1. Kết quả quan trắc xâm nhập mặn hệ thống sông Thạch Hãn

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)					
			SÔNG THẠCH HÃN				SÔNG HIẾU	
			TH4-1	TH4	TH2	TH5	SH4QG2	SH5
1	07h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,09	0,10	1,3	2,7	1,1	9,3
2		Tầng giữa	0,14	0,16	6,6	15,9	2,6	25,7
3		Tầng đáy	0,22	0,25	9,9	19,3	3,3	27,0
4		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,15</i>	<i>0,17</i>	<i>6,1</i>	<i>13,5</i>	<i>2,4</i>	<i>21,9</i>
5	09h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,11	0,12	1,8	3,3	2,2	9,9
6		Tầng giữa	0,17	0,19	7,4	16,4	4,0	26,6
7		Tầng đáy	0,27	0,30	10,6	20,1	5,1	27,6
8		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,18</i>	<i>0,20</i>	<i>6,8</i>	<i>14,1</i>	<i>3,8</i>	<i>22,7</i>
9	11h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,08	0,10	1,5	3,2	1,9	8,2
10		Tầng giữa	0,13	0,14	6,9	16,3	3,5	25,2
11		Tầng đáy	0,23	0,26	10,1	19,8	4,7	27,1
12		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,14</i>	<i>0,16</i>	<i>6,4</i>	<i>13,9</i>	<i>3,4</i>	<i>21,4</i>
13	13h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,07	0,09	1,2	2,6	1,0	6,4
14		Tầng giữa	0,11	0,12	6,3	15,5	1,9	23,8
15		Tầng đáy	0,20	0,22	9,5	19,1	2,2	26,2
16		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,12</i>	<i>0,14</i>	<i>5,8</i>	<i>13,2</i>	<i>1,8</i>	<i>20,1</i>

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính %)					
			SÔNG THẠCH HẢN				SÔNG HIẾU	
			TH4-1	TH4	TH2	TH5	SH4QG2	SH5
17	15h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,05	0,06	1,0	2,2	0,80	4,8
18		Tầng giữa	0,09	0,10	5,9	15,0	1,3	22,0
19		Tầng đáy	0,16	0,18	9,2	18,3	1,8	25,8
20		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,10</i>	<i>0,11</i>	<i>5,5</i>	<i>12,6</i>	<i>1,3</i>	<i>18,7</i>
21	17h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,07	0,10	1,6	2,5	1,2	6,2
22		Tầng giữa	0,12	0,14	6,3	15,6	1,7	22,7
23		Tầng đáy	0,19	0,24	9,8	18,8	2,3	26,1
24		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,13</i>	<i>0,16</i>	<i>6,0</i>	<i>13,1</i>	<i>1,7</i>	<i>19,4</i>
25	19h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,08	0,13	1,8	2,8	1,4	8,9
26		Tầng giữa	0,15	0,19	6,8	16,0	2,8	24,7
27		Tầng đáy	0,21	0,3	10,2	19,5	3,7	26,8
28		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,15</i>	<i>0,20</i>	<i>6,4</i>	<i>13,6</i>	<i>2,7</i>	<i>21,3</i>
29	21h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,12	0,16	2,1	3,4	2,3	10,0
30		Tầng giữa	0,20	0,23	8,0	17,0	4,5	25,4
31		Tầng đáy	0,30	0,33	11,3	20,4	5,8	27,3
32		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,21</i>	<i>0,24</i>	<i>7,4</i>	<i>14,5</i>	<i>4,3</i>	<i>22,0</i>
33	23h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	0,10	0,14	1,9	3,2	1,8	8,7
34		Tầng giữa	0,18	0,20	7,2	16,3	3,2	25,1
35		Tầng đáy	0,26	0,29	10,1	19,8	4,6	27,0
36		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,18</i>	<i>0,21</i>	<i>6,6</i>	<i>13,9</i>	<i>3,2</i>	<i>21,5</i>

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính %)					
			SÔNG THẠCH HÃN				SÔNG HIẾU	
			TH4-1	TH4	TH2	TH5	SH4QG2	SH5
37	01h00 (Ngày 30/3/2022)	Tầng mặt	0,08	0,11	1,5	2,8	1,2	6,7
38		Tầng giữa	0,14	0,16	6,4	15,9	1,7	24,2
39		Tầng đáy	0,19	0,21	9,4	18,8	3,2	26,1
40		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,14</i>	<i>0,16</i>	<i>5,9</i>	<i>13,4</i>	<i>2,0</i>	<i>20,3</i>
41	03h00 (Ngày 30/3/2022)	Tầng mặt	0,06	0,09	1,1	2,1	1,1	5,2
42		Tầng giữa	0,10	0,14	5,7	14,7	1,2	22,4
43		Tầng đáy	0,17	0,19	8,9	17,9	2,4	25,6
44		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,11</i>	<i>0,14</i>	<i>5,4</i>	<i>12,4</i>	<i>1,5</i>	<i>18,9</i>
45	05h00 (Ngày 30/3/2022)	Tầng mặt	0,07	0,11	1,4	2,4	1,3	6,3
46		Tầng giữa	0,13	0,17	6,0	15,4	1,8	22,9
47		Tầng đáy	0,21	0,24	9,7	18,7	2,9	26,2
48		<i>Bình quân thủy trực</i>	<i>0,14</i>	<i>0,17</i>	<i>5,8</i>	<i>13,0</i>	<i>2,0</i>	<i>19,6</i>

2. Kết quả quan trắc xâm nhập mặn hệ thống sông Bến Hải

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)						
			SÔNG BẾN HẢI				SÔNG SA LUNG		
			BH2-1	BH2	BH3	BH4	SL2-1	SL2	SL3
1	07h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	1,8	3,3	5,1	8,9	2,4	3,0	5,9
2		Tầng giữa	5,2	9,8	11,6	18,2	3,8	6,5	10,2
3		Tầng đáy	9,6	16,5	20,4	28,1	6,1	11,5	18,9
4		<i>Bình quân thủy trực</i>	5,5	9,9	12,2	18,4	4,0	6,9	11,3
5	09h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	2,3	3,7	5,6	9,3	2,8	3,3	6,4
6		Tầng giữa	6,1	10,3	10,7	18,6	4,9	6,9	10,7
7		Tầng đáy	10,2	16,9	20,8	28,6	6,9	11,8	19,4
8		<i>Bình quân thủy trực</i>	6,2	10,3	12,0	18,8	4,9	7,2	11,8
9	11h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	1,8	3,1	4,8	9,1	2,7	3,1	6,1
10		Tầng giữa	5,4	9,6	10,5	18,3	4,5	6,7	10,3
11		Tầng đáy	9,7	15,9	19,3	28,2	6,7	11,6	19,1
12		<i>Bình quân thủy trực</i>	5,6	9,6	11,3	18,5	4,6	7,0	11,5
13	13h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	1,3	2,3	4,1	8,7	2,5	2,9	5,7
14		Tầng giữa	4,9	8,9	9,5	17,9	4,1	6,4	10,1
15		Tầng đáy	8,3	14,6	17,3	27,9	6,5	11,4	18,7
16		<i>Bình quân thủy trực</i>	4,9	8,7	10,1	18,1	4,3	6,8	11,2
17	15h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	1,0	1,9	3,6	8,4	2,2	2,7	5,4
18		Tầng giữa	4,1	8,1	8,6	17,5	3,7	6,2	9,7
19		Tầng đáy	7,8	13,8	16,2	27,6	6,3	11,1	18,4
20		<i>Bình quân thủy trực</i>	4,3	8,0	9,3	17,8	4,0	6,6	10,8

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)						
			SÔNG BẾN HẢI				SÔNG SA LUNG		
			BH2-1	BH2	BH3	BH4	SL2-1	SL2	SL3
21	17h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	1,2	2,1	3,9	8,6	2,3	2,8	5,6
22		Tầng giữa	4,5	8,4	9,0	17,8	3,9	6,3	9,9
23		Tầng đáy	8,1	14,3	16,6	27,8	6,6	11,3	18,6
24		<i>Bình quân thủy trực</i>	4,6	8,3	9,6	18,0	4,2	6,7	11,0
25	19h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	1,6	3,0	4,8	9,0	2,7	3,2	6,1
26		Tầng giữa	5,4	9,6	11,0	18,5	4,5	7,0	10,9
27		Tầng đáy	9,0	15,9	19,8	28,4	7,3	12,5	19,1
28		<i>Bình quân thủy trực</i>	5,4	9,5	11,7	18,6	4,8	7,4	11,8
29	21h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	2,2	4,2	5,5	9,7	3,4	3,7	6,8
30		Tầng giữa	6,4	10,8	12,1	19,0	5,3	8,1	11,7
31		Tầng đáy	10,5	17,1	21,0	28,8	8,1	13,4	19,8
32		<i>Bình quân thủy trực</i>	6,4	10,7	12,7	19,1	5,5	8,3	12,5
33	23h00 (Ngày 29/3/2022)	Tầng mặt	1,9	3,4	5,0	9,2	3,0	3,5	6,3
34		Tầng giữa	5,8	9,2	10,8	18,1	4,9	7,0	10,7
35		Tầng đáy	9,4	15,7	19,5	28,5	7,5	11,8	19,2
36		<i>Bình quân thủy trực</i>	5,7	9,4	11,5	18,5	5,1	7,3	11,7
37	01h00 (Ngày 30/3/2022)	Tầng mặt	1,1	2,5	4,3	8,4	2,4	2,7	5,5
38		Tầng giữa	4,4	8,4	9,8	17,5	3,9	6,0	10,0
39		Tầng đáy	8,0	14,0	18,0	27,7	7,0	11,0	18,4
40		<i>Bình quân thủy trực</i>	4,5	8,3	10,5	17,8	4,3	6,4	11,0

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính %)						
			SÔNG BẾN HẢI				SÔNG SA LUNG		
			BH2-1	BH2	BH3	BH4	SL2-1	SL2	SL3
41	03h00 (Ngày 30/3/2022)	Tầng mặt	0,9	1,6	3,8	8,1	2,0	2,4	5,0
42		Tầng giữa	3,8	7,8	8,5	16,4	3,2	5,8	9,4
43		Tầng đáy	7,6	13,5	16,7	27,0	6,1	10,7	17,8
44		<i>Bình quân thủy trực</i>	4,0	7,7	9,4	17,0	3,6	6,2	10,4
45	05h00 (Ngày 30/3/2022)	Tầng mặt	1,3	1,9	4,1	8,3	2,4	2,6	5,4
46		Tầng giữa	4,8	8,7	9,3	17,2	3,8	6,1	9,8
47		Tầng đáy	8,0	14,6	17,2	27,5	7,0	11,1	18,5
48		<i>Bình quân thủy trực</i>	4,7	8,5	10,0	17,6	4,3	6,5	10,9

Ghi chú: TH4-1: Đập Trầm thị xã Quảng Trị
 TH4: Trung tâm thị xã Quảng Trị
 TH2: Cầu An Mô – TT Ái Tử
 TH5: Tại cầu Đại Lộc – xã Triệu Thuận
 SH4QG2: Trạm thủy văn Đông Hà
 SH5: Điểm cách cầu Đông Hà 500m về phía hạ lưu
 BH2-1: Điểm cách Cầu Tiên An khoảng 7km về phía thượng lưu – Sông Bến Hải
 BH2: Cầu Tiên An – Sông Bến Hải
 BH3: Cách cầu Hiền Lương về phía thượng lưu 2 km
 BH4: Cách cầu Hiền Lương 5 km về phía hạ lưu - Sông Bến Hải
 SL2-1: Tại chân đập ngăn mặn Sa Lung
 SL2: Điểm tại cầu sắt sông Sa Lung,
 SL3: Cách điểm giao nhau với sông Bến Hải 2km về phía thượng lưu, sông Sa Lung,